



TẠO MÔI TRƯỜNG HỌC TIẾNG VIỆT THÂN THIỆN VÀ HIỆU QUẢ TRONG LỚP HỌC DẠY HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

• PGS.TS NGUYỄN THỊ HẠNH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Môi trường học tập tiếng Việt thân thiện và hiệu quả để dạy học sinh (HS) dân tộc thiểu số (DTTS)

1.1. Vì sao phải tạo môi trường học tiếng Việt thân thiện và có hiệu quả?

Môi trường học tiếng Việt thân thiện và có hiệu quả mang lại nhiều ích lợi cho HS DTTS. Các ích lợi đó là :

- Tạo cơ hội để HS được tham gia vào một môi trường mới - môi trường học tập. Môi trường mới khác với môi trường gia đình, bản làng vốn quen với trẻ ở chỗ có những con người mới (nhân viên hỗ trợ giáo viên (GV), các bạn mới), có cảnh vật mới, đồ vật mới hấp dẫn (góc học, đồ dùng học tập, đồ chơi), có hoạt động mới (học tập dưới hình thức vui chơi, khám phá, trải nghiệm...).

- Tạo cơ hội để HS làm quen với hoạt động học tập đa dạng: làm quen với hoạt động trí tuệ, hoạt động quan sát bằng nhiều giác quan ...

- Tạo cơ hội để HS làm quen với môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt - ngôn ngữ thứ hai (các em sẽ học tập bằng ngôn ngữ này ở trường tiểu học).

- Tạo cơ hội cho mỗi HS thể hiện hiểu biết và khả năng của cá nhân, từ đó các em được hỗ trợ, phát triển các năng lực cá nhân.

1.2. Thế nào là một môi trường học tập thân thiện và có hiệu quả?

Môi trường học tiếng Việt thân thiện và có hiệu quả bao gồm môi trường vật chất và môi trường tâm lí - xã hội.

* *Môi trường vật chất*: Được thiết kế theo các tiêu chuẩn an toàn, thân thiện, phù hợp với điều kiện của địa phương. Môi trường vật chất bao gồm :

- Địa điểm học: lớp học thoáng, sạch, có chỗ ngồi phù hợp với việc học của HS, có chỗ dành cho GV. Bàn ghế vừa với tầm vóc HS, chắc chắn.

- Lớp học có các điều kiện đảm bảo vệ sinh cho HS như: nước sạch để rửa chân tay, nước

sạch và ca để uống, giá để giày dép, mũ. Có nhà vệ sinh sạch, ở xa nơi học một khoảng cách an toàn.

- Không gian lớp học được bố trí phù hợp với hoạt động học tập :

+ Có bàn ghế được xếp hợp lí nhằm tạo ra khoảng trống ở trung tâm phòng để sao cho tất cả HS để quan sát được hoạt động của GV, tất cả HS có chỗ thực hiện các hoạt động chung của cả lớp. (Bàn ghế HS được xếp theo hình chữ U hoặc 2-3 hàng dọc hình chữ I).

+ Có góc học ngôn ngữ, trong góc có: sách cho HS xem (chủ yếu là sách có tranh ảnh treo trên dây, vừa tầm tay HS), có các đồ dùng học tiếng Việt do GV và HS tự làm (tranh ảnh học từ và câu, các giấy hoặc bìa khổ to, có những hình ảnh của các sự vật, sự việc để HS học từ, câu, hội thoại, học kể chuyện, học đếm), có các thẻ tranh để học từ, có các con rối tự làm để học nói, có các sản phẩm của HS trong học đọc, học viết (vở tập tô, tập vẽ, các sách khổ to do GV và HS tự xé dán ...).

+ Có góc văn hóa địa phương, trong đó có một số mẫu trang phục của người dân tộc trong vùng, đồ dùng, vật dụng nhỏ của người trong vùng, một số hoa quả thật có ở địa phương, hình ảnh bản làng, nơi sinh hoạt của cộng đồng ở bản làng (Ví dụ, ảnh ruộng bậc thang, ảnh nhà rông, ảnh hội ném còn, ...).

+ Có góc dành cho HS chơi, trong đó có các đồ chơi cho HS nữ và HS nam, có dụng cụ để tổ chức trò chơi (tấm bìa hình các con vật để chơi đóng vai, có một số dây, sào nhỏ để HS chơi nhảy dây, nhảy sạp, ...), có chỗ để các đồ chơi lớn hơn như ngựa gỗ, cầu trượt, ghế đu...

+ Có chỗ để đồ dùng dạy học của GV và HS: giá để đồ dùng của GV, giá để sách vở, các loại bút của HS, những chiếc rổ nhựa để đồ dùng học tập do GV và HS tự làm.

* *Môi trường tâm lí - xã hội*: Được thiết kế theo các tiêu chuẩn an toàn, thân thiện, phù hợp

với lứa tuổi, bao gồm :

- Thái độ tôn trọng và thân thiện với HS của GV: GV chào đón khi HS đến lớp, GV chăm sóc HS tận tình, GV động viên, khích lệ HS trong mọi hoạt động, GV là cầu nối để các em HS xích lại gần nhau, cùng hợp tác với nhau trong học tập.

- Tạo cho HS cảm giác an toàn, thân thiện khi học ở lớp: GV làm danh sách HS bằng hình ảnh và bằng chữ, dùng tiếng dân tộc để giải thích nhiệm vụ khi HS không hiểu tiếng Việt, tạo cơ hội cho HS được hát, múa, chơi các trò chơi quen thuộc của người dân tộc.

- Tạo cho HS cảm giác vui, thoải mái, tự tin khi học ở lớp: GV tổ chức cho HS học bằng nhiều hoạt động hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi của HS (chơi, hát, múa, kể chuyện, xem triển lãm, thực hành làm ...), luôn khen và thưởng khi HS hoàn thành nhiệm vụ, huy động tất cả HS tham gia vào các hoạt động để tạo cho HS có dịp thể hiện mình, khuyến khích, hỗ trợ HS trong mọi hoạt động.

2. Cách tạo lập môi trường học tập thân thiện và có hiệu quả

2.1. Phối hợp với nhiều người để tạo lập môi trường học tiếng Việt

Khi tạo lập môi trường học tiếng Việt cho HS DTTS, GV không thể chỉ làm một mình. Để có một môi trường học tập tốt, GV cần biết phối hợp làm việc với những thành phần như: Nhân viên hỗ trợ GV, Ban giám hiệu trường tiểu học hoặc GV phụ trách điểm trường, đại diện Hội cha mẹ HS, cán bộ cộng đồng (trưởng bản, già làng, đại diện tổ chức Đoàn thanh niên của bản ...).

2.2. Các bước thực hiện tạo môi trường học tập tiếng Việt cho HS

Việc tạo lập môi trường học tiếng Việt cho HS DTTS trước tuổi đến trường cần được thực hiện theo 3 bước sau :

a) Bước chuẩn bị:

- Lập kế hoạch xây dựng môi trường học tiếng Việt, trong đó có nêu: từng việc làm cụ thể, người làm và thời gian làm mỗi việc đó.

- Gặp gỡ những người cùng phối hợp để trình bày yêu cầu phối hợp với từng người.

b) Bước thực hiện:

- Làm vệ sinh, sửa sang lớp học để đảm bảo độ sạch và thoáng cho lớp học. Chuẩn bị nước uống, giá để dép và mũ.

- Xếp bàn ghế của GV và HS cho phù hợp.

- Lên danh sách HS và làm danh sách HS của lớp bằng hình và bằng chữ.

- Sưu tầm, mua, tự làm các đồ dùng học tập, sách truyện, đồ chơi, các vật dụng ở địa phương để tạo các góc ngôn ngữ, góc văn hóa, góc chơi.

- Mời Ban giám hiệu, đại diện hội cha mẹ HS, cán bộ cộng đồng đến tham quan lớp học và góp ý, góp công hoàn thiện lớp học, sân chơi.

c) Bước duy trì:

- Trong quá trình dạy học, GV cần thường xuyên thay đổi các đồ dùng học tập, vật dụng của địa phương, đồ chơi để phù hợp với từng bài học.

- GV huy động HS cùng làm thêm các đồ chơi, đồ dùng học tập để làm giàu môi trường học tập và để HS được tham gia vào bài học một cách chủ động (Ví dụ, làm đồ chơi đơn giản như cất dán chong chóng, làm con vật từ các ống giấy loại, mang một số loại quả, hạt của địa phương đến làm đồ dùng học tập, vẽ tranh hoặc xé dán để làm sách khổ to...)

3. Cách sử dụng môi trường học tiếng Việt thân thiện có hiệu quả

Khi sử dụng môi trường học tiếng Việt cần linh hoạt. Độ linh hoạt của việc sử dụng thể hiện ở những điểm sau :

- Sử dụng một đồ dùng trong lớp, một đồ dùng dạy học vào nhiều mục đích khác nhau, phù hợp với nhiều bài học. (Ví dụ: quả nhựa dùng để dạy từ, dạy về màu sắc, dạy đếm, dạy vẽ, dạy kể chuyện ...)

- Đồ dùng trong môi trường lớp học thường xuyên được bổ sung và thay đổi. (Ví dụ: đổi hoa quả theo mùa, đổi trang phục theo mùa, đổi một số đồ chơi cũ bằng đồ chơi mới, ...)

4. Đánh giá môi trường học tiếng Việt thân thiện và có hiệu quả

Để có thể đánh giá môi trường học tiếng Việt thân thiện và có hiệu quả, cần phải căn cứ vào các tiêu chuẩn sau :

- Môi trường vật chất sạch, an toàn, tránh được những tai nạn hoặc sự ô nhiễm có hại cho sức khỏe của HS.

- Bàn ghế, các góc học trong lớp được bố trí hợp lí, phù hợp với mục tiêu dạy học phát triển tiếng Việt. Đồ dùng dạy học dễ làm, có thể sử dụng linh hoạt, làm bằng vật liệu dễ tìm ở địa phương.

- Các đồ dùng trong lớp, đồ dùng học tập thể hiện được sự đóng góp công sức của nhân viên hỗ trợ GV, cha mẹ HS, nhân dân trong cộng đồng, HS.

- Môi trường lớp học thể hiện được đặc điểm văn hóa của dân tộc.

- Quan hệ giữa GV và HS thân thiện, HS được tôn trọng và tự tin. GV biết dùng tiếng dân tộc để giúp HS hiểu tiếng Việt khi cần.
- GV thường xuyên khích lệ, động viên, khen thưởng HS. HS học tập hứng thú, tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách GV về tăng cường tiếng Việt, Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, Bộ GD&ĐT, 2008.
2. Tài liệu Dạy học lấy HS làm trung tâm, Quỹ Cứu trợ Nhi

dòng Úc, 2006.

3. *Reading for a Reason Expanding Reading skills*, Laue Blass, Elizabeth Whalley, Mc Graw Hill company, 2006.

SUMMARY

According to the author, a friendly and effective environment for teaching Vietnamese to students of ethnic minorities bring many benefits to the students: physical and psychological-social environments designed by secure, friendly standards suited to the students.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP...

(Tiếp theo trang 35)

dịch NH₃.

Sử dụng cách 2: Không thấy được rõ quá trình tạo thành kết tủa và kết tủa tan.

Sử dụng cách 3: Thấy rõ quá trình tạo thành kết tủa Cu(OH)₂ và kết tủa Cu(OH)₂ tan trong NH₃.

HS kết luận:

Có thể chọn cách 1 hoặc cách 3 nhưng tốt nhất là cách 3 để HS thấy được tính chất của NH₃ tác dụng với dung dịch muối và cả tính chất tạo phức của NH₃ với Cu(OH)₂.

Chú ý:

Ngay trong thí nghiệm trên cũng có vấn đề xuất hiện tại sao kết tủa tạo thành rồi kết tủa lại tan tạo dung dịch không màu? Dung dịch không màu đó có phải là dung dịch CuSO₄ ban đầu không hay là chất mới nào khác.

GV hướng dẫn HS so sánh dung dịch sản phẩm với dung dịch CuSO₄ ban đầu để thấy được đó là chất mới tạo thành có chứa ion Cu(NH₃)₄²⁺

Trên đây chỉ là một số biện pháp thiết thực để phát triển năng lực GQVĐ cho HS trong dạy học môn Hóa học ở phổ thông. GV luôn là những người định hướng để giúp HS phát hiện và GQVĐ một cách độc lập, sáng tạo hướng tới HS là người tự phát hiện và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

3. Kết luận chung: Trong quá trình dạy học môn Hoá học có rất nhiều tình huống có vấn đề xuất hiện, Gv cần biết và có những câu hỏi giúp

HS phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra. Qua đó HS sẽ phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề học tập và vấn đề thực tiễn gắn với môn Hoá học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Thặng – Phương pháp phát hiện và GQVĐ – Tài liệu tập huấn GV cốt cán THCS tỉnh Hưng Yên- 2008.
2. Cao Thị Thặng - *Đổi mới phương pháp dạy học Hóa học trường THPT*- Viện KHGD Việt Nam – 2007.
3. Cao Thị Thặng (Chủ biên) - Vũ Anh Tuấn - *Một số vấn đề Đổi mới phương pháp dạy học môn Hóa học trường THCS*, NXB Giáo dục Hà Nội - 2008.
4. Cao Thị Thặng- *Đổi mới Phương pháp dạy học Hóa học 10* - Trích Lê Xuân Trọng chủ biên - Tài liệu bồi dưỡng thay sách Hóa học 10, NXB Giáo dục, 2006.
5. Lê Xuân Trọng - Cao Thị Thặng - *Đổi mới phương pháp dạy học Hóa học trường THPT*- Kỉ yếu hội thảo Đổi mới phương pháp dạy học Viện KHGD, 2005.
6. Cao Thị Thặng - *Đổi mới phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông*- Kỉ yếu hội thảo Hóa học toàn quốc, Hà nội 2003.
7. Trần bá Hoành, Cao Thị Thặng, Phạm Lan Hương – *Áp dụng dạy học tích cực ở môn Khoa học ở tiểu học, môn Hóa học ở THCS và CĐSP*, Dự án Việt Bỉ, 2003.
8. Cục Nhà giáo - Dự án THCS II - *Tài liệu tập huấn ĐMPP và ĐMDG kết quả học tập môn Hóa học trường THCS*, 2008.
9. International Review of Curriculum and Assessement. <http://www.inca.org.uk/>.

SUMMARY

Problem identification and solving abilities need to be developed starting from school. The article proposes some solutions for problem solving capacities development in teaching Chemistry, concretely in teaching new lessons, through drills, in-class experiments.